

# Việt Nam đón đầu cơ hội thu hút làn sóng chuyển dịch đầu tư của các công ty đa quốc gia trong giai đoạn sắp tới

Tiến sĩ Nguyễn Văn Sơn,

Khoa Kinh tế & Quản lý công, Trường Đại học Mở Tp.Hồ Chí Minh.

Tính đến đầu năm 2020, trong số 13 hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam tham gia đã có hiệu lực thì hai hiệp định mới có hiệu lực gần đây là CPTPP (Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) và EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU) được coi là FTA thế hệ mới có tác động thúc đẩy quá trình tái cơ cấu các chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Bên cạnh đó, môi trường kinh tế quốc tế cũng đã có những biến động mạnh do hệ quả của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ – Trung và tác động khách quan của biến cố đặc biệt là đại dịch nCoV-19. Tác động cộng hưởng của tất cả các yếu tố đó đã và đang thúc đẩy một làn sóng chuyển dịch đầu tư để tái cấu trúc hệ thống mạng lưới sản xuất kinh doanh toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Đặc biệt là, động thái di chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc sang khu vực Đông Nam Á và Tây Á đang diễn ra rõ nét. Vậy, Việt Nam có được coi là một điểm đến hấp dẫn hay không? Nếu có, thì về mặt chính sách Việt Nam nói chung và Tp.Hồ Chí Minh nói riêng cần làm gì để đón đầu cơ hội nhằm tích cực thu hút các nguồn đầu tư đó trong thời gian tới? Một số ý kiến luận giải vấn đề dưới đây sẽ tập trung vào khía cạnh đầu tư trực tiếp (FDI) cho phù hợp với thực tế.

## 1. Làn sóng chuyển dịch đầu tư của các công ty đa quốc gia.

Kể từ thập niên 1980s trở lại đây, nền kinh tế Trung Quốc đã xây dựng được một hệ thống các ngành công nghiệp phụ trợ rất tốt, đảm bảo cung cấp các yếu tố đầu vào cho sản xuất vô cùng phong phú. Bên cạnh đó là nguồn cung lao động dồi dào, có kỹ năng tốt mà giá rẻ, cùng với cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngày càng hoàn thiện. Sự phối hợp đồng bộ giữa các yếu tố đó đã tạo ra môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư của các công ty đa quốc gia, dần dần biến nền kinh tế Trung Quốc thành điểm đầu rất linh hoạt của chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Hiện nay, địa bàn Trung Quốc cung cấp khoảng 60% nguồn hàng tiêu dùng cho thị trường thế giới. Mặt khác, khi thu nhập của dân cư ngày càng cao (GDP per capita của Trung Quốc năm 2019 xấp xỉ 11.000 USD) thì Trung Quốc cũng đồng thời là thị trường mục tiêu hấp dẫn, trở thành điểm cuối chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu có sức hút mang tính chất ràng buộc cao sự hiện diện của hầu hết các công ty đa quốc gia. Nhưng tại sao lại xuất hiện làn sóng chuyển dịch đầu tư của các công ty đa quốc gia ra khỏi Trung Quốc?

Nguyên nhân chính, và là tác nhân kinh tế cơ bản trong dài hạn, thể hiện trên hai phương diện sau: *Một mặt*, các yếu tố nội tại của nền kinh tế Trung Quốc đã thay đổi căn bản làm gia tăng đáng kể suất đầu tư và chi phí sản xuất. Theo Reuters, trong vòng 10 năm (từ 2005 đến 2015) chi phí lao động bình quân tại Trung Quốc tăng 4,4 lần (từ mức 1 USD lên 4,4 USD/giờ công) và tất nhiên đến nay đã cao hơn nhiều. Điều đó thôi thúc các công ty đa quốc gia đi tìm nơi sản xuất có chi phí rẻ hơn. *Mặt khác*, bản chất các FTA thế hệ mới của thế kỷ XXI có tác động thúc đẩy quá trình tái cơ cấu các chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Về căn bản, bên cạnh các nội dung tự do hóa *thương mại hàng hóa* và *thương mại*

*dịch vụ* (của FTA hai thế hệ trước), các FTA thế hệ thứ ba này còn chi phối cả lĩnh vực tự do hóa *tài chính và đầu tư*. Trong đó, bao gồm nhiều nội dung mới mẻ, như: minh bạch hóa chính sách, thể chế, quan hệ lao động, quản lý môi trường, kinh tế kỹ thuật số, vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ... Khi vấn đề mở cửa thị trường cho nhau giữa các thành viên FTA mới được giải quyết rộng rãi và triệt để (so với mặt bằng hội nhập toàn cầu theo qui định của hệ thống WTO), như: hàng rào thuế quan nhanh chóng giảm xuống gần như bằng zero, các thủ tục và chính sách quản lý rất thuận lợi, ưu đãi đầu tư rất hấp dẫn... mà trong đó không có Trung Quốc (nơi đang là địa bàn sản xuất của hầu hết các công ty đa quốc gia lớn trên thế giới) thì sẽ có tác động mạnh mẽ đến sự chuyển dịch đầu tư của các công ty đa quốc gia. Bởi vì, trong khu vực FTA thế hệ mới đó bao gồm các thành viên là những nền kinh tế có nhu cầu nhập khẩu rất lớn ở điểm cuối chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu (như EU, Nhật Bản, Úc, Canada...) mà hàng hóa xuất khẩu đi từ điểm đầu chuỗi cung ứng là Trung Quốc vào đây không được ưu đãi thuế quan (và các thủ tục quản lý phi thuế quan tương ứng) như thành viên trong FTA thì sẽ bị mất hẳn ưu thế cạnh tranh và làm giảm mạnh lợi nhuận của các công ty xuất khẩu. Điều đó (cùng với chi phí sản xuất ở Trung Quốc đã gia tăng mạnh) nhất định sẽ dẫn đến động thái di chuyển cơ sở sản xuất của các công ty đa quốc gia từ Trung Quốc đến những địa điểm thuộc các nền kinh tế thành viên FTA mới có khả năng trở thành điểm đầu chuỗi cung ứng sản phẩm, nhằm tái cấu trúc mạng lưới sản xuất toàn cầu của họ hợp lý hơn để tối đa hóa lợi nhuận.

Ngoài ra, những biến cố phức tạp mới xuất hiện trong môi trường kinh tế quốc tế cũng có tác động (có thể là ngắn hạn hoặc trung hạn) đến làn sóng dịch chuyển sản xuất để tái cơ cấu chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Trong ngắn hạn, thiên tai và dịch họa (nCoVid-19) đang làm suy yếu khả năng cung cấp hàng hóa của địa bàn Trung Quốc ra thị trường thế giới. Trong trung hạn, sự trả đũa leo thang chưa có điểm dừng giữa hai bên trong cuộc chiến tranh thương mại Mỹ – Trung cũng đã có tác động rất mạnh. Tính đến nay Mỹ đã quyết định áp thuế nhập khẩu 25% lên khoảng 300 tỷ USD hàng hóa nhập từ Trung Quốc mỗi năm, Trung Quốc cũng trả đũa với đòn tăng thuế nhập khẩu trên khoảng 75 tỷ USD hàng hóa nhập từ Mỹ. Thời điểm thực hiện của hai bên được ấn định từ 01/09/2020 và 15/12/2020. Trong khi đàm phán tìm kiếm thỏa thuận thương mại để xuống thang tranh chấp giữa đôi bên chưa có lối ra, thực trạng đó đã đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của các cơ sở sản xuất kinh doanh hướng đến xuất khẩu vào thị trường Mỹ tại Trung Quốc, bao gồm cả những công ty xuất khẩu của Trung Quốc. Theo kết quả thăm dò hồi tháng 04/2019 của công ty luật Baker McKenzie, có 93% số công ty Trung Quốc xem xét thực hiện tái cơ cấu chuỗi cung ứng của họ để giảm thiểu tác động của chiến tranh thương mại Mỹ – Trung, trong đó có 76% doanh nghiệp cũng muốn di chuyển cơ sở sản xuất đến những địa bàn mà hàng hóa không phải ghi xuất xứ *Made in China* để không bị áp đặt tăng thuế nhập khẩu của Mỹ. Như vậy, làn sóng dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc là có thật, đã bắt đầu và đang gia tăng ngày càng mạnh mẽ. Theo khảo sát của Công ty tư vấn Bain cũng được thực hiện vào tháng 04/2019, có khoảng 60% số công ty đa quốc gia tại Trung Quốc cho biết sẽ đẩy mạnh việc di chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

Vậy thì, những loại hình sản xuất nào, những công ty có qui mô cỡ nào sẽ chuyển đi? và dòng chảy đầu tư đó sẽ hướng đến đâu? Trước hết, đó là những loại hình sản xuất sản phẩm hướng vào xuất khẩu, không chỉ hướng đến thị trường Mỹ mà còn hướng đến tất cả những thị trường tiêu dùng lớn ở điểm cuối chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu như đã nói trên (EU, Nhật Bản, Úc, Canada...). Bao gồm từ các sản phẩm thâm dụng lao động (dệt may, da giày) cho đến những sản phẩm thâm dụng kỹ thuật, kể cả sản phẩm công nghệ cao (thực phẩm chế biến, dược phẩm, hàng gia dụng, sản phẩm cơ khí chế tạo, hàng điện tử, điện thoại, máy tính, xe hơi...). Các cơ sở sản xuất di chuyển đi (có liên quan đến qui mô các dự án đầu tư) bao gồm cả qui mô lớn và vừa. Đó có thể là những công ty con của các tập đoàn đa quốc gia (đầu tư qui mô lớn), mà cũng có thể là những công ty độc lập có qui mô vừa đang làm đối tác sản xuất các linh kiện và bán thành phẩm với mức độ chuyên môn hóa rất sâu để cung ứng yếu tố đầu vào gắn liền với điểm đầu chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia. Cần lưu ý rằng, trong thời gian qua chính phủ Nhật Bản và Đài Loan đã có chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp của họ di chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc để tái cấu trúc chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Trong đó, chính phủ Nhật Bản đã dành kinh phí cho chương trình này lên đến hơn 2 tỷ USD, mà trọng tâm là nhằm hỗ trợ cho các công ty qui mô vừa nói trên. Ngoài ra, để luận giải về điểm đến của làn sóng dịch chuyển đầu tư mới đó, cần làm rõ vấn đề phân bố mạng lưới sản xuất trong chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Về nguyên tắc, những công đoạn đầu qui trình chuỗi cung ứng (khai thác tài nguyên, sơ chế, gia công chế tác linh kiện, bán thành phẩm) sẽ được đặt gần nơi cung cấp các yếu tố đầu vào; những công đoạn cuối của qui trình chuỗi cung ứng (lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm, lưu thông, phân phối) sẽ được đặt gần thị trường tiêu thụ thành phẩm. Các yếu tố cơ bản để lựa chọn địa điểm đầu tư được xem xét trước tiên là nguồn cung cấp lao động và tài nguyên dồi dào, giá rẻ; kế đến là các điều kiện cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật thuận lợi, chính sách quản lý minh bạch, ưu đãi đầu tư hấp dẫn... Theo đó, các quốc gia sau đây được liệt kê vào danh sách ưu tiên lựa chọn điểm đến của các công ty đa quốc gia để di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi Trung Quốc: Mexico (ở Bắc Mỹ), Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh (ở Tây Á), Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand, và Việt Nam (ở Đông Nam Á).

## **2. Việt Nam là một điểm đến hấp dẫn của làn sóng chuyển dịch đầu tư hiện nay.**

Vì sao Việt Nam được coi là một điểm đến hấp dẫn trong làn sóng chuyển dịch đầu tư của các công ty đa quốc gia hiện nay? Xét về vị trí địa lý, Việt Nam ở gần và có đường biên giới chung với Trung Quốc giúp cho việc di chuyển cơ sở sản xuất thuận tiện, ít tốn kém chi phí và nhanh chóng. Hơn thế, sự xáo trộn quan hệ cung cấp yếu tố đầu vào cho sản xuất cũng ít chịu ảnh hưởng tiêu cực vì những yếu tố không có hoặc không đủ nguồn cung cấp tại địa điểm mới vẫn có thể được bù đắp nhanh chóng từ địa bàn Trung Quốc với khoảng cách địa lý không xa. Mặt khác, khi thị trường Trung Quốc ngày càng nổi lên là một thị trường tiêu dùng có sức hấp dẫn mạnh mẽ (tức là điểm cuối vô cùng quan trọng của chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu) thì việc cung cấp sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam vào đây cũng có nhiều ưu thế cạnh tranh do khoảng cách địa lý gần và những nét tương đồng về văn hóa mang lại.

Về môi trường kinh tế, Việt Nam thuộc top các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao và ổn định trong thời gian dài. Không kể tác động tiêu cực của nCoVid-19 hiện nay, trong nhiều năm qua nhịp độ tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam thường xuyên đạt từ 6 – 7%. Việt Nam cũng đã thiết lập được các mối quan hệ thị trường và quan hệ đầu tư tốt đẹp trong hội nhập kinh tế toàn cầu (WTO) và khu vực (APEC, AEC, CPTPP, EVFTA), cũng như các mối quan hệ với tư cách Việt Nam là thành viên cùng ASEAN hợp tác với Trung Quốc (ACFTA), với Nhật Bản (AJCEP), với Hàn Quốc (AKFTA), với Ấn Độ (AIFTA), với Úc và New Zealand (AANZFTA)...

Về môi trường đầu tư, tuy vẫn còn một số mặt yếu kém, song các nền tảng cơ bản cũng đã ngày càng hoàn thiện hơn. Theo Natixis SA (đăng tải trên Bloomberg News ngày 12/12/2018), dựa trên các tiêu chí nhân khẩu học, chi phí tiền lương, tiền điện, xếp hạng môi trường kinh doanh, logistics và môi trường sản xuất) đã đánh giá Việt Nam là điểm đến tốt nhất trong số 7 nền kinh tế mới nổi ở Châu Á, bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. Trong đó, đáng lưu ý là chi phí sản xuất ở Việt Nam còn rất rẻ, như: tiền lương bình quân 216 USD/tháng (thấp nhất trong 7 nước và chưa bằng một nửa so với mức gần 500 USD/tháng của Trung Quốc); hay giá điện sản xuất chỉ có 7 UScent/kwh, thấp hơn nhiều so với các mức 10 UScent/kwh của Indonesia và 19 UScent/kwh của Philippines.

Ngoài ra, môi trường kinh tế kỹ thuật số tại Việt Nam tuy vẫn còn một số điểm bất cập, nhưng được đánh giá là có mức phát triển rất nhanh chóng. Theo cập nhật của trang web internetlivestats.com, đến hết quý I-2020 tại Việt Nam có 68,5 triệu người sử dụng internet, tăng bình quân 34,25%/năm trong giai đoạn 2000 – 2020, chiếm tỷ lệ 70,4% dân số cả nước (cao hơn mức tương ứng 58,7% của toàn thế giới), và bằng 1,7 % số người sử dụng internet toàn cầu. Điều đó chắc chắn sẽ tạo ra nền tảng tốt cho sự phát triển của thương mại điện tử và kinh tế kỹ thuật số nói chung, thậm chí là vấn đề ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cũng đã được chú trọng đầu tư phát triển tại Việt Nam.

### **3. Giải pháp chiến lược khai thác cơ hội thu hút làn sóng chuyển dịch đầu tư mới của các công ty đa quốc gia.**

Về quan điểm, cần khẳng định rõ là Việt Nam phải khai thác tốt cơ hội thu hút đợt sóng mới trong xu hướng dịch chuyển đầu tư của các công ty đa quốc gia lần này để đưa nền kinh tế Việt Nam tham gia sâu và chủ động hơn vào các chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu. Muốn vậy, phải đặt mục tiêu ưu tiên hàng đầu là thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp phụ trợ để có thể tăng cường mạnh mẽ khả năng cung cấp yếu tố đầu vào tại chỗ cho hoạt động sản xuất từ các ngành dệt may, da giày, cho đến các ngành sản xuất thâm dụng kỹ thuật và công nghệ cao, như: cơ khí chế tạo, điện tử, ô tô...

Về giải pháp, muốn biến Việt Nam thành một công trường sản xuất mới của thế giới thì không thể chỉ chú trọng các vấn đề cấp bách, mà còn phải hướng mạnh vào giải quyết đồng bộ các giải pháp mang tính chiến lược dài hạn. *Trên bình diện chính sách chung của cả nền kinh tế*, bên cạnh các vấn đề cơ bản, như: đảm bảo sự ổn định của môi trường kinh

tế vĩ mô; minh bạch hóa chính sách, cải thiện môi trường pháp lý, cải cách hành chính và chống tham nhũng để gia tăng lòng tin của nhà đầu tư vào guồng máy chính phủ, thiết nghĩ cần phải tích cực giải quyết các vấn đề mấu chốt sau đây:

- Về cải thiện môi trường đầu tư, cần tập trung mạnh vào hai nhiệm vụ rất quan trọng là thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển hoạt động logistics và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- Xây dựng luật và ban hành các chính sách tương ứng (trên căn bản thủ tục quản lý đầu tư thuận lợi và ưu đãi đầu tư thật hấp dẫn) để thúc đẩy phát triển nhanh các ngành công nghiệp phụ trợ.
- Thực hiện xúc tiến đầu tư có hướng đích gắn kết với các chương trình di chuyển doanh nghiệp nhằm tái cơ cấu chuỗi cung ứng sản phẩm toàn cầu của Nhật Bản và Đài Loan một cách rõ ràng để lôi kéo đầu tư vào Việt Nam.
- Qui định kỹ biện pháp gạn lọc để loại trừ những dự án có chủ đích đi tìm địa bàn thay thế xuất xứ *Made in China* nhưng không có chiều sâu về chất lượng công nghệ nhằm đảm bảo phát triển bền vững.
- Triển khai thực hiện nhanh những cam kết hội nhập trong Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), mà trọng tâm là chương trình gắn kết thị trường và hệ thống sản xuất toàn khu vực ASEAN. Đồng thời, đồng bộ hóa các chính sách hướng đến triển khai nhanh các hiệp định ASEAN+1 và các FTA thế hệ mới ngoài ASEAN (CPTPP, EVFTA)... Nhằm tạo điều kiện vừa thu hút được các nguồn cung cấp bổ sung yếu tố đầu vào cho sản xuất từ địa bàn khu vực, vừa mở rộng tích cực thị trường tiêu thụ sản phẩm (kể cả vượt ra ngoài khuôn khổ ASEAN) để gia tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.
- Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính phủ điện tử để chuẩn hóa các thủ tục quản lý đầu tư và quản lý hành chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm phiền hà cho doanh nghiệp.
- Điều chỉnh các chính sách thuế theo hướng thúc đẩy phát triển thị trường tiêu dùng nội địa trong trung hạn và dài hạn đối với một số sản phẩm công nghệ cao (đặc biệt là ô tô) để nâng cao dung lượng thị trường tại chỗ cho các sản phẩm này nhằm khuyến khích nhà đầu tư các ngành công nghiệp phụ trợ tương ứng mạnh dạn đầu tư vào Việt Nam.

Đối với Tp.Hồ Chí Minh, với vị thế địa bàn trung tâm và là hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, các giải pháp không chỉ chú trọng phát huy tối đa các thế mạnh kinh tế - kỹ thuật của thành phố, mà còn phải hướng đến huy động nguồn lực tổng hợp của toàn vùng để thu hút mạnh mẽ dòng chảy đầu tư vào đây. Trên cơ sở đó, cần tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Phát huy cơ chế đặc thù chính phủ đã dành cho Tp.Hồ Chí Minh để xây dựng từ căn bản những nền móng chính quyền đô thị thông minh, đi đầu trong đổi mới sáng tạo, đẩy nhanh công tác xây dựng chính phủ điện tử để sớm loại bỏ các thủ tục và qui trình

quản lý theo kiểu mặt đối mặt (*face to face*) nhằm giảm thiểu phiền hà cho nhà đầu tư và doanh nghiệp một cách thiết thực nhất.

- Phát huy vai trò đầu tàu của thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trên căn bản đẩy nhanh các mặt kết nối hạ tầng giao thông toàn vùng xoay quanh tâm điểm Tp.Hồ Chí Minh. Từ đó, qui hoạch xây dựng và kết nối các thành phố vệ tinh trên địa bàn các tỉnh xung quanh để mở rộng không gian lan tỏa phát triển công nghiệp và dịch vụ ra toàn vùng.
- Phối hợp với các địa phương khác trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để xúc tiến đầu tư đồng bộ nhằm vào thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, kể cả các dự án qui mô vừa nhưng có nền tảng kỹ thuật cao và chuyên môn hóa sâu của các ngành cơ khí chế tạo, điện tử, ô tô...
- Chú trọng phát triển và hoàn thiện cơ chế quản lý các thị trường lao động, thị trường khoa học – công nghệ, thị trường bất động sản, thị trường tài chính phái sinh... để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư.
- Thiết lập các quỹ hỗ trợ phát triển bền vững: *một mặt*, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghệ cao, sản xuất xanh và sạch, khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ...; *mặt khác*, tài trợ cho các chương trình xã hội, chỉnh trang đô thị, phát triển y tế, giáo dục hướng nghiệp và đào tạo nghề... để tạo cơ sở hấp thu tốt các dòng chảy đầu tư nước ngoài đổ vào liên tục.

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 09 năm 2020.*

---

**Tài liệu tham khảo:**

1. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). *Bộ Công Thương*.
2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA). *Bộ Công Thương*.
3. Cơ chế, chính sách phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. *Nguyễn Văn Sơn, Khoa Kinh tế & Quản lý công, Trường Đại học Mở Tp.Hồ Chí Minh, 2016*.
4. Các hiệp định trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định ASEAN+1. Truy cập tại các website <https://asean.org> và <https://trungtamwto.vn>.
5. Truy cập thông tin từ các website: <http://www.internetlivestats.com>; <https://enternews.vn>; <https://nhipcaydautu.vn>; <https://thoibaonganhang.vn>.